

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/LĐ-PT

Ngày: 12-9-2018

V/v Tranh chấp lao động về đơn
phương chấm dứt hợp đồng lao động và
tranh chấp đòi lại tiền trả thay cho bảo
hiểm thất nghiệp.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Hữu Nhân

Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Chi – Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2018/TLPT-LĐ ngày 30 tháng 7 năm
2018 về việc tranh chấp lao động về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và
tranh chấp đòi lại tiền trả thay cho bảo hiểm thất nghiệp.

Do Bản án Lao động sơ thẩm số 03/2018/LĐ-ST ngày 20/6/2018 của Tòa
án nhân dân thành phố Đà Lạt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 73/2018/QĐ-PT ngày 24/8/2018
giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Anh T; Địa chỉ nơi cư trú tại: NTN, Phường M,
thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Công B; Địa chỉ nơi cư
trú tại: LHP, Phường N, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng là người đại diện theo ủy
quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/5/2018).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần P; Trụ sở chính tại: TP, Phường H, thành phố
ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Văn D, chức vụ: Quyền Trưởng phòng Hành chính quản trị là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 10/UQ-DLR ngày 05/9/2018).

3. Người kháng cáo:

3.1 Ông Đặng Anh T – Nguyên đơn;

3.2 Công ty cổ phần P - Bị đơn.

(các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cũng như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ngày 01/9/2009 Công ty Cổ phần P (sau đây gọi là Công ty) và ông Đặng Anh T có ký Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 09/2009/HĐ-DLR với nội dung công việc là ông T làm lái xe cho Công ty. Trong quá trình lao động ông thực hiện đúng và đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định, không vi phạm nội quy lao động. Tuy nhiên đến ngày 30/11/2016 ông Võ Thuận H – Phó tổng Giám đốc Công ty Cổ phần P đã ra thông báo số 196/TB-DLR ngày 30/11/2016 với nội dung Công ty Cổ phần P đơn phương chấm dứt hợp đồng với ông Đặng Anh T từ ngày 07/02/2017 và thông báo cho ông T biết trước 45 ngày, lý do đơn phương chấm dứt là căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động của Công ty. Ngày 07/02/2017 Công ty ra quyết định số 01/QĐ-DLR chấm dứt hợp đồng với ông Đặng Anh T. Do Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng sai quy định vì vậy nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố việc Công ty Cổ phần P đơn phương chấm dứt hợp đồng với ông Đặng Anh T là trái pháp luật. Đồng thời đề nghị Công ty nhận ông T trở lại làm việc và phải trả tiền lương, bảo hiểm cho những ngày ông T không được làm việc tính từ ngày 07/02/2017 đến ngày 20/6/2018 là 16,5 tháng, tính số tiền thực tế Công ty đóng bảo hiểm cho ông T là 6.100.000đ (trong đó người sử dụng lao động đóng trước ngày 01/6/2017 là $22\% \times 5 \text{ tháng} \times 6.100.000\text{đ} = 6.710.000\text{đ}$ và sau ngày 01/6/2017 là $21,5\% \times 11,5 \text{ tháng} \times 6.100.000\text{đ} = 15.082.250\text{đ}$, tổng cộng là 21.792.250đ; Bồi thường 02 tháng tiền lương theo quy định là $02 \text{ tháng} \times 6.985.460\text{đ} = 13.970.920\text{đ}$. Tổng cộng số tiền mà ông T yêu cầu Công ty thanh toán là 151.015.670đ.

Đối với số tiền 29.280.000đ bảo hiểm thất nghiệp ông T đã nhận của Công ty thì ông T không chấp nhận trả lại cho Công ty.

Theo bản tự khai và trình bày tại phiên tòa của người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Công ty Cổ phần P và ông Đặng Anh T có ký hợp đồng lao động và công việc làm như ông T trình bày. Ngày 30/11/2006 ông Võ Thuận H là Phó tổng Giám đốc Công ty P đã ra thông báo số 196/TB-DLR ngày 30/11/2016 với nội dung Công ty Cổ phần P đơn phương chấm dứt hợp đồng với ông Đặng Anh T từ ngày 07/02/2017 và thông báo cho ông T biết trước 69 ngày. Ngày 07/02/2017, Công ty ra Quyết định số 01/QĐ-DLR chấm dứt hoạt động với ông Đặng Anh T, lý do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng là vì tình hình kinh tế, không tiền để trả lương cho người lao động. Khó khăn về kinh tế kéo dài từ năm 2013 đến năm 2017. Căn cứ vào điểm c, Khoản 1, Điều 38 của Bộ luật Lao động và theo quy định tại điểm c, Khoản 1, Điều 7 của Thỏa ước lao động tập thể thì Công ty có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Công ty đã báo trước cho ông T 69 ngày là đúng quy định của pháp luật. Do vậy Công ty không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra khi đơn phương chấm dứt hợp đồng thì Công ty đã tính toán để chi trả trợ cấp mất việc là 02 tháng lương là 13.970.920đ. Tuy nhiên qua làm việc với ông T thì ông T không nhận số tiền này.

Đối với chế độ bảo hiểm xã hội thì Công ty đã chốt sổ cho ông Đặng Anh T đến hết tháng 01/2017.

Theo khoản 1, Điều 46 Luật Việc làm thì thời gian người lao động hưởng trợ cấp thất nghiệp không quá 03 tháng kể từ ngày chốt sổ bảo hiểm, do Công ty không có tiền để đóng Bảo hiểm xã hội dẫn đến chốt sổ chậm và quá thời hạn để hưởng trợ cấp thất nghiệp nên Công ty đã chi trả tiền trợ cấp thất nghiệp từ ngày 08/02/2017 đến hết ngày 07/10/2017 của 08 tháng thất nghiệp mà ông T được hưởng theo quy định là 29.280.000đ (ông T đã nhận số tiền này). Trường hợp buộc Công ty phải nhận ông T trở lại làm việc thì yêu cầu ông T phải thanh toán lại cho Công ty 29.280.000đ tiền bảo hiểm thất nghiệp do ông T đã nhận của Công ty.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án Lao động sơ thẩm số 03/2018/LĐ-ST ngày 20/6/2018 Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Anh T về “Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” đối với Công ty cổ phần P.

- Tuyên bố Quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động số 01/QĐ-DLR ngày 07/02/2017 của Công ty Cổ phần P là trái pháp luật.

- Buộc Công ty Cổ phần P phải nhận ông Đặng Anh T trở lại làm việc theo Hợp đồng lao động số 09/2009/HĐ-DLR ngày 01/9/2009 giữa Công ty Cổ phần P và ông Đặng Anh T.

Buộc Công ty Cổ phần P thanh toán cho ông Đặng Anh T số tiền 129.223.420đ (làm tròn 129.223.000đ) và phải tiếp tục trả lương theo hợp đồng cho ông Đặng Anh T tính từ ngày 21/6/2018 cho đến khi nhận ông T trở lại làm việc.

Công ty cổ phần P và ông Đặng Anh T phải đóng các loại bảo hiểm bắt buộc theo quy định của pháp luật cho ông T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần P về “Kiện đòi lại tiền bảo hiểm thất nghiệp” đối với ông Đặng Anh T.

Buộc ông Đặng Anh T thanh toán lại cho Công ty cổ phần P 29.280.000đ tiền bảo hiểm thất nghiệp đã nhận.

Về án phí:

Buộc Công ty Cổ phần P phải chịu 3.876.000đ án phí lao động sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 440.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0007881 ngày 02/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Công ty Cổ phần P còn phải nộp 3.436.000đ tiền án phí còn thiếu.

Buộc ông Đặng Anh T phải chịu 878.000đ án phí Lao động sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 05/7/2018, nguyên đơn ông Đặng Anh T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm buộc Công ty Cổ phần P phải bồi thường tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo Khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động là 21.792.250đ, bồi thường cho ông ít nhất 02 tháng lương theo khoản 3 Điều 42 Bộ luật Lao động, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần P yêu cầu ông trả lại số tiền 29.280.000đ.

Ngày 04/7/2018, bị đơn Công ty Cổ phần P kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm phán quyết quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động số 01/QĐ-DLR ngày 07/02/2017 của Công ty là đúng quy định của pháp luật; Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét về thời gian tính tiền lương mà phía bị đơn phải trả cho những ngày không được làm việc từ ngày 07/02/2017 đến ngày 06/10/2017 là 55.883.680đ cũng như đóng các loại bảo hiểm bắt buộc theo quy định tương ứng với thời gian 08 tháng nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án lao động sơ thẩm. Đồng thời yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần P nhận ông T trở lại làm việc theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 09/2009/HĐ-DLR ngày 01/7/2009 đã ký giữa hai bên.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án lao động sơ thẩm. Đồng thời trình bày nếu Tòa án buộc Công ty nhận ông T trở lại làm việc theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 09/2009/HĐ-DLR ngày 01/7/2009 thì Công ty đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc Thẩm phán và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, đồng thời đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra lại tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về lao động giữa nguyên đơn ông Đặng Anh T và bị đơn Công ty Cổ phần P đối với hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động và tranh chấp khoản tiền trợ cấp thất nghiệp do người sử dụng lao động trả thay cho Trung tâm dịch vụ việc làm. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về trường

hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và kiện đòi lại tiền bảo hiểm thất nghiệp” là chưa chính xác đối với từng quan hệ do vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp lao động về hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động và tranh chấp đòi lại tiền trả thay cho bảo hiểm thất nghiệp” để áp dụng đúng pháp luật lao động vào giải quyết vụ án.

[2] Đối với nội dung kháng cáo của bị đơn: Công ty Cổ phần P kháng cáo với nội dung vì lý do kinh tế, công ty kinh doanh không có lãi nên không có nhu cầu lái xe và không có tiền để trả lương cho người lao động (BL 141). Công ty đã thông báo cho ông Đặng Anh T theo quy định về thời hạn báo trước của Bộ luật Lao động và ra quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Đặng Anh T là nhân viên lái xe thuộc Văn phòng Công ty. Sau khi ban hành quyết định về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty có 03 lần phát giấy mời ông T lên Công ty làm việc liên quan đến giải quyết các chế độ thôi việc cho ông T nhưng ông T không đến làm việc theo giấy mời mặc dù đã nhận được giấy mời. Bị đơn cho rằng Công ty đã thực hiện việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông T là đúng quy định của pháp luật về lao động. Đề nghị HĐXX không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án lao động sơ thẩm. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, HĐXX thấy rằng giữa nguyên đơn ông Đặng Anh T và bị đơn Công ty Cổ phần P có xác lập một quan hệ lao động theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 09/2009/HĐ-DLR ngày 01/7/2009. Theo đó ông T được tuyển dụng vào vị trí là nhân viên lái xe thuộc Phòng hành chính quản trị của Công ty từ ngày 01/7/2009 với mức lương cơ bản theo hợp đồng là 2.822.100đ, được hưởng phụ cấp khu vực 0,1 và các khoản phụ cấp khác nếu có. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/7/2009. Sau khi ký hợp đồng lao động nói trên thì các bên đều thực hiện đúng hợp đồng đã ký. Ngày 07/02/2017 Tổng giám đốc Công ty cổ phần P đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-DLR về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Đặng Anh T kể từ ngày 07/02/2017 sau khi đã báo trước cho ông T theo Thông báo số 196/TB-DLR ngày 30/11/2016. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông T thừa nhận đã nhận thông báo vào ngày 30/11/2016 là đảm bảo thời hạn báo trước theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Bộ luật Lao động. Đồng thời theo quy định tại Điều 38 Bộ luật Lao động năm 2012 thì người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động khi người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động; người lao động bị ốm đau, tai nạn đã điều trị 12 tháng liên tục đối với hợp đồng lao động không xác định thời hạn mà

khả năng lao động chưa hồi phục; do thiên tai, hỏa hoạn hoặc những lý do bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng vẫn buộc phải thu hẹp sản xuất, giảm chỗ làm việc... Phía bị đơn Công ty kháng cáo cho rằng vì lý do kinh tế hoạt động thua lỗ nên không có nhu cầu sử dụng lái xe theo quy định tại Điều 44 Bộ luật Lao động nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh lý do kinh tế theo quy định Điều 13 Nghị định số 05/2015 ngày 12/01/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động và Điều 7 Thông tư số 47/2015 TT-BLĐTPXH ngày 16/11/2015 của Bộ Lao động thương binh và xã hội nên lý do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Đặng Anh T là không có căn cứ. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án xác định hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của bị đơn Công ty cổ phần P đối với nguyên đơn ông Đặng Anh T theo Quyết định số 01/QĐ-DLR về việc chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là có căn cứ, đúng pháp luật nên kháng cáo về nội dung này của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của nguyên đơn ông Đặng Anh T yêu cầu được tiếp tục trở lại làm việc, yêu cầu này được đại diện bị đơn Công ty cổ phần P đồng ý nên cần buộc bị đơn Công ty cổ phần P nhận ông Đặng Anh T trở lại làm việc theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 09/2009/HĐ-DLR ngày 01/7/2009 kể từ ngày 13/9/2018.

[3] Đối với nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Anh T về khoản tiền 29.280.000đ mà các bên cho là tiền trợ cấp thất nghiệp mà ông T đã nhận của Công ty cổ phần P. Nguyên đơn ông T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với các nội dung buộc bị đơn Công ty cổ phần P bồi thường số tiền 21.792.250đ là tiền BHXH, BHYT; bồi thường ít nhất 02 tháng tiền lương theo khoản 3 Điều 42 Bộ luật Lao động do công ty không đồng ý nhận ông vào làm việc lại; không đồng ý trả lại cho Công ty cổ phần P số tiền 29.280.000đ là tiền trợ cấp thất nghiệp mà ông đã nhận của công ty. Đối với các nội dung kháng cáo này HĐXX thấy rằng:

Theo lời trình bày và thừa nhận giữa nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm thì khoản tiền lương của ông T được hưởng tại thời điểm tháng 02/2018 là 6.985.460đ. Do bị đơn Công ty cổ P đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải nhận lại nguyên đơn trở lại làm việc, buộc bị đơn thanh toán khoản tiền lương cho những ngày không được làm việc từ ngày 07/02/2017, buộc bị đơn thanh toán

khoản tiền BHXH, BHYT và 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là có căn cứ. Tuy nhiên cách tính của bản án sơ thẩm chưa đảm bảo quy định của pháp luật theo khoản 1, Điều 42 Bộ luật Lao động năm 2012. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm ông Đặng Anh T muốn tiếp tục làm việc và bị đơn Công ty cổ phần P đồng ý nhận lại người lao động. Vì thế cần sửa bản án sơ thẩm đối với những nội dung nói trên cụ thể như sau:

+ Về khoản tiền lương cho những ngày không được làm việc từ ngày 07/02/2017 đến ngày 12/9/2018 ngày Tòa án xét xử vụ án là 19 tháng 05 ngày. Tiền lương của 19 tháng là $6.985.460đ \times 19 \text{ tháng} = 132.723.740đ$ và tiền lương của 05 ngày là $6.985.460đ/26 \text{ ngày} = 268.671đ \times 05 \text{ ngày} = 1.343.357đ$. Tổng cộng là 134.067.097đ.

+ Về khoản tiền bồi thường ít nhất 02 tháng lương theo hợp đồng do bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật (theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động) $6.985.460đ \times 02 \text{ tháng} = 13.970.920đ$.

+ Về khoản tiền BHXH; BHYT mà bị đơn Công ty cổ phần P và ông Đặng Anh T phải trích nộp theo quy định của Luật BHXH và theo quy định tại Nghị định 44/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 có hiệu lực từ 01/6/2017 như sau:

Từ tháng 02/2017- 5/2017:

- Công ty Cổ phần P phải trích nộp: $6.100.000đ \times 22\% \times 04 \text{ tháng} = 5.368.000đ$.

- Ông Đặng Anh T phải trích nộp: $6.100.000đ \times 10,5\% \times 04 \text{ tháng} = 2.562.000đ$.

Từ tháng 6/2017- 9/2018.

- Công ty Cổ phần P phải trích nộp: $6.100.000đ \times 21,5\% \times 15 \text{ tháng} = 19.672.500đ$.

- Ông Đặng Anh T phải trích nộp: $6.100.000đ \times 10,5\% \times 15 \text{ tháng} = 9.607.500đ$.

Tổng cộng:

- Công ty Cổ phần P phải trích nộp: 25.040.500đ

- Ông Đặng Anh T phải trích nộp: 12.169.500đ.

Đây là khoản tiền bắt buộc người lao động và người sử dụng lao động phải trích nộp cho cơ quan Bảo hiểm xã hội theo quy định, khoản tiền này được người sử dụng lao động trực tiếp trích nộp cho cơ quan Bảo hiểm xã hội trên cơ sở quỹ tiền lương hàng tháng nên cần giao cho Công ty cổ phần P có nghĩa vụ thực hiện đóng Bảo hiểm xã hội cho ông Đặng Anh T theo quy định để đảm bảo

các quyền lợi, chế độ về BHXH, BHYT và BHTN theo quy định của Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và Luật việc làm.

+ Về khoản tiền 29.280.000đ là tiền trợ cấp thất nghiệp mà ông T đã nhận của công ty. Theo hồ sơ phản ánh thì ông Đặng Anh T tham gia BHTN vào tháng 01/2009 trước khi chính thức ký hợp đồng lao động vào tháng 7/2009 tại Công ty cổ phần P nên không được hưởng trợ cấp thôi việc theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Bộ luật lao động. Trong vụ án này, sau khi Công ty ra quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông T vào tháng 2/2017 trong thời gian không được làm việc ông T đã nhận của công ty số tiền 29.280.000đ mà các bên gọi là tiền trợ cấp thất nghiệp. Tại thời điểm này giữa hai bên có phát sinh tranh chấp dẫn đến việc ông T khởi kiện hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động tại Tòa án. Như vậy thực chất khoản tiền BHTN là do Trung tâm dịch vụ việc làm tại địa phương nơi người lao động trực tiếp nộp hồ sơ xin hưởng trợ cấp thất nghiệp chi trả theo quy định tại Điều 46 Luật Việc làm và Điều 17 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về BHTN. Cho nên khoản tiền nói trên không phải là khoản tiền trợ cấp thất nghiệp theo quy định, Bản án sơ thẩm buộc ông Đặng Anh T thanh toán lại cho Công ty cổ phần P toàn bộ khoản tiền nói trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của nguyên đơn ông Đặng Anh T đối với bị đơn Công ty cổ phần P.

Để thuận lợi cho việc Thi hành án dân sự, cần cân đối bù trừ nghĩa vụ của các bên cụ thể như sau: Công ty cổ phần P có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đặng Anh T số tiền 106.588.517đ. Sau khi đã trừ 12.169.500đ là khoản tiền người lao động phải trích nộp BHXH từ tiền lương và 29.280.000đ là tiền ông T đã nhận của công ty (*cụ thể* $134.067.097đ + 13.970.920đ - 12.169.500đ - 29.280.000đ = 106.588.517đ$).

Từ nhận định trên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Anh T đối với khoản tiền đóng BHXH và BHYT, không chấp nhận kháng cáo của bị Công ty Cổ phần P, sửa bản án lao động sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

Về án phí:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 12 về miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì trường hợp của ông Đặng Anh T là người lao động đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại trợ cấp thất nghiệp do lỗi của người sử dụng lao động được miễn tiền án phí lao động sơ thẩm.

Bị đơn Công ty cổ phần P phải chịu 5.329.400đ tiền án phí lao động sơ thẩm. Do sửa bản án sơ thẩm có liên quan đến nội dung kháng cáo của người kháng cáo nên đương sự có kháng cáo không phải chịu tiền án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Anh T đối với bị đơn Công ty Cổ phần P.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần P đối với nguyên đơn ông Đặng Anh T.

1. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp lao động về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và tranh chấp đòi lại tiền trả thay cho bảo hiểm thất nghiệp”.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Anh T đối với Công ty cổ phần P về vụ án “Tranh chấp lao động về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” của người sử dụng lao động.

2.1. Tuyên bố Quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động số 01/QĐ-DLR ngày 07/02/2017 của Công ty cổ phần P là trái pháp luật.

2.2. Buộc Công ty cổ phần P nhận ông Đặng Anh T trở lại làm việc theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 09/2009/HĐ-DLR ngày 01/7/2009 đã ký giữa Công ty cổ phần P và ông Đặng Anh T kể từ ngày 13/9/2018.

2.3. Buộc Công ty cổ phần P thanh toán cho ông Đặng Anh T số tiền 106.588.517đ (*Một trăm lẻ sáu triệu, năm trăm tám mươi tám ngàn, năm trăm mười bảy đồng*) là khoản tiền lương trong những ngày không được làm việc và

khoản tiền bồi thường do hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4. Giao cho Công ty cổ phần P có nghĩa vụ trực tiếp trích nộp khoản tiền BHXH, BHYT cho Cơ quan BHXH đối với ông Đặng Anh T với số tiền 37.210.000đ (*Ba mươi bảy triệu, hai trăm mười ngàn đồng*) kể từ tháng 02/2017 cho đến tháng 9/2018. Để ông T được hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật lao động.

2.5. Người sử dụng lao động và người lao động tiếp tục thực hiện trích nộp các khoản bảo hiểm bắt buộc theo quy định của pháp luật kể từ tháng 10/2018 cho đến khi hai bên chấm dứt quan hệ lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần P về “Tranh chấp khoản tiền chi trả thay cho bảo hiểm thất nghiệp” đối với ông Đặng Anh T.

Buộc ông Đặng Anh T thanh toán lại cho Công ty cổ phần P 29.280.000đ (*Hai mươi chín triệu, hai trăm tám mươi ngàn đồng*) khoản tiền này đã cân đối bù trừ đối với ông Đặng Anh T trong khoản tiền mà Công ty cổ phần P phải thanh toán cho ông T (ông T đã thi hành xong).

4. Về án phí:

Buộc Công ty cổ phần P phải chịu 5.329.400đ (*Năm triệu, ba trăm hai mươi chín ngàn, bốn trăm đồng*) tiền án phí lao động sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 740.000đ (*Bảy trăm bốn mươi ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0007881 ngày 02/4/2018 và Biên lai thu số AA/2016/0008322 ngày 26/7 /2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt. Công ty cổ phần P còn phải nộp 4.589.400đ (*Bốn triệu, năm trăm tám mươi chín ngàn, bốn trăm đồng*) tiền án phí lao động sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Đặng Anh T số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/008309 ngày 23/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh LD;
- TAND TP.Đà Lạt (02);
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Hữu Hồng